

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /No: 25N033

1. Khách hàng / Customer:

2. Địa chỉ / Address:

3. Loại mẫu / Type of sample:

5. Tên mẫu / Sample name:

Nhà máy nước Bảo Lâm

21 Nguyễn Tất Thành - Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng

Nước ăn uống

4. Số mẫu: 03

Mẫu 1: Mẫu nước tại trạm GK3 - NMN Bảo Lâm

(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)

Mẫu 2: Mẫu nước tại trạm GK4 - NMN Bảo Lâm

(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)

Mẫu 3: Mẫu nước tại trạm GK5 - NMN Bảo Lâm

(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)

6. Ngày nhận mẫu / Sample received date:

03/07/2025

7. Ngày trả kết quả / Result issued date:

10/07/2025

8. Lưu mẫu / Storage

☐ Có / Yes

☒ Không / No

9. Kết quả / Results:

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results			PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	4	0	7	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi / Odor	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity (*)	NTU	2	0.18	0.14	0.26	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.77	7.72	7.73	HDPP.01
5	Arsenic/ As	mg/l	0.01	<0.005	<0.005	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.91	0.90	0.94	Hach 8021
7	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat (*)	mg/l	2	0.84	0.32	0.90	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
8	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.048	0.002	0.020	Ref. EPA350.2
9	Coliform tổng số / Total Coliform (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
10	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.

- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 3: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB

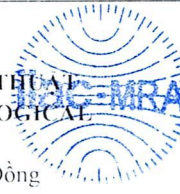
Lê Thị Tố Loan

PHÒNG KỸ THUẬT

Hà Ngọc Quế



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL
TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường Lâm Viên - Đà Lạt - Lâm Đồng



AOSC
VLAT 1.0450
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /No: 25N033

1. Khách hàng / Customer:
2. Địa chỉ / Address:
3. Loại mẫu / Type of sample:
5. Tên mẫu / Sample name:

Nhà máy nước Bảo Lâm
21 Nguyễn Tất Thành - Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng
Nước ăn uống
Mẫu 1: Mẫu nước tại trạm GK6 - NMN Bảo Lâm
(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)
Mẫu 2: Mẫu nước tại trạm GK7 - NMN Bảo Lâm
(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)
Mẫu 3: Mẫu nước tại trạm GK8 - NMN Bảo Lâm
(Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)

4. Số mẫu: 03

6. Ngày nhận mẫu / Sample received date: 03/07/2025
7. Ngày trả kết quả / Result issued date: 10/07/2025
8. Lưu mẫu / Storage: Có / Yes ☒ Không / No

9. Kết quả / Results:

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results			PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	4	4	0	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi vị / Odor and taste	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity (*)	NTU	2	0.12	0.15	0.21	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.62	7.77	7.59	HDPP.01
5	Arsenic/ As	mg/l	0.01	<0.005	0.005	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.92	0.97	0.96	Hach 8021
7	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat (*)	mg/l	2	0.60	0.22	0.49	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
8	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.026	0.002	0.002	Ref. EPA350.2
9	Coliform tổng số / Total Coliform (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
10	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.

- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 3: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB

Lê Thị Tố Loan

PHÒNG KỸ THUẬT

Hà Ngọc Quế

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

1. Khách hàng / Customer: Nhà máy nước Bảo Lâm
2. Địa chỉ / Address: 21 Nguyễn Tất Thành - Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng
3. Loại mẫu / Type of sample: Nước ăn uống
4. Số mẫu: 02
5. Tên mẫu / Sample name: Mẫu 1: Mẫu nước giữa tuyến - NMN Bảo Lâm (255 Trần Phú - Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)
Mẫu 2: Mẫu nước cuối tuyến - NMN Bảo Lâm (122 Hàm Nghi - Xã Bảo Lâm 1 - Lâm Đồng)
6. Ngày nhận mẫu / Sample received date: 03/07/2025
7. Ngày trả kết quả / Result issued date: 10/07/2025
8. Lưu mẫu / Storage: Có / Yes ☒ Không / No

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results		PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	4	7	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi vị / Odor and taste	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity (*)	NTU	2	0.30	0.21	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.61	7.64	HDPP.01
5	Arsenic/ As	mg/l	0.01	<0.005	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.41	0.32	Hach 8021
7	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat (*)	mg/l	2	0.24	0.44	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
8	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.020	0.008	Ref. EPA350.2
9	Coliform tổng số / Total Coliform (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
10	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT
Nhận xét
- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB


Lê Thị Tố Loan

PHÒNG KỸ THUẬT


Hà Ngọc Quế

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /No: 25N033

1. Khách hàng / Customer: Nhà máy nước Đơn Dương

2. Địa chỉ / Address: 35 Nguyễn Văn Trỗi - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng

3. Loại mẫu / Type of sample: Nước ăn uống

5. Tên mẫu / Sample name: Mẫu 1: Mẫu nước trạm Thanh Mỹ (Giếng 1)
(321 Đường Hai Tháng Tư - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng)
Mẫu 2: Mẫu nước trạm Thanh Mỹ (Giếng 2)
(321 Đường Hai Tháng Tư - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng)
Mẫu 3: Mẫu nước giữa tuyến - Trạm Thanh Mỹ
(19 Nguyễn Văn Linh - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng)
Mẫu 4: Mẫu nước cuối tuyến - Trạm Thanh Mỹ
(03 Lý Tự Trọng - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng)

4. Số mẫu: 04

6. Ngày nhận mẫu / Sample received date: 03/07/2025
7. Ngày trả kết quả / Result issued date: 10/07/2025
8. Lưu mẫu / Storage: Có / Yes ☐ Không / No ☒
9. Kết quả / Results :

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	DON VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results				PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	4	4	7	4	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi vị / Odor and taste	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity ^(*)	NTU	2	0.11	0.10	0.10	0.10	HDPP.09
4	pH ^(*)	-	6.0 - 8.5	6.88	6.84	6.86	6.87	HDPP.01
5	Arsenic/ As	mg/l	0.01	<0.005	<0.005	<0.005	<0.005	HDPP nội bộ
6	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.53	0.55	0.46	0.38	Hach 8021
7	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat ^(*)	mg/l	2	0.27	0.45	0.56	0.40	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
8	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.032	0.044	0.040	0.044	Ref. EPA350.2
9	Coliform tổng số / Total Coliform ^(*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
10	E.coli ^(*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.

- ^(*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 3: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Mẫu 4: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB

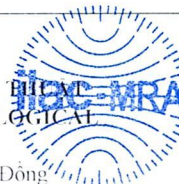

Lê Thị Tố Loan

PHÒNG KỸ THUẬT


Hà Ngọc Quế



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
LAM DONG WATER SUPPLY & SEWERAGE JSC
PHÒNG LAB HÓA LÝ VÀ SINH HỌC - PHÒNG KỸ THUẬT
LABORATORY OF PHYSICAL CHEMISTRY & BIOLOGICAL
TECHNICAL DEPARTMENT
Địa chỉ: 50 Hùng Vương - Phường Lâm Viên - Đà Lạt - Lâm Đồng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Số /No: 25N033

1. Khách hàng / Customer:
2. Địa chỉ / Address:
3. Loại mẫu / Type of sample:
5. Tên mẫu / Sample name:

Nhà máy nước Đơn Dương
35 Nguyễn Văn Trỗi - Xã Đơn Dương - Lâm Đồng
Nước ăn uống
Mẫu 1: Trạm Dran - NMN Đơn Dương
(Xã Dran - Lâm Đồng)
Mẫu 2: Mẫu nước giữa tuyến - Trạm Dran
(206 Lý Thường Kiệt - Xã Dran - Lâm Đồng)
Mẫu 3: Mẫu nước cuối tuyến - Trạm Dran
(129 Lê Lợi - Xã Dran - Lâm Đồng)

4. Số mẫu: 03

6. Ngày nhận mẫu / Sample received date: 03/07/2025
7. Ngày trả kết quả / Result issued date: 10/07/2025
8. Lưu mẫu / Storage: Có / Yes ☐ Không / No ☒
9. Kết quả / Results:

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results			PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	0	0	0	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi / Odor	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity (*)	NTU	2	0.56	0.86	1.26	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	7.12	7.15	7.06	HDPP.01
5	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.79	0.54	0.48	Hach 8021
6	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat (*)	mg/l	2	0.30	0.35	0.24	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
7	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.002	0.026	0.014	Ref. EPA350.2
8	Coliform tổng số / Total Coliform (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
9	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Mẫu 3: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỞNG LAB

Lê Thị Tố Loan

PHÒNG KỸ THUẬT

Hà Ngọc Quế

1. Khách hàng / Customer:

2. Địa chỉ / Address:

3. Loại mẫu / Type of sample:

5. Tên mẫu / Sample name:

Nhà máy nước Đa Tềh

Đường 30/4 - Xã Đa Tềh - Lâm Đồng

Nước ăn uống

Mẫu 1: NMN Đa Tềh
(Xã Đa Tềh 3 - Lâm Đồng)

Mẫu 2: Mẫu nước giữa tuyến NMN Đa Tềh
(177 KP 4B Đường 725 - Xã Đa Tềh - Lâm Đồng)

Mẫu 3: Mẫu nước cuối tuyến NMN Đa Tềh
(Nhà khách Xã Đa Tềh - Khu phố 5C Xã Đa Tềh - Lâm Đồng)

Số /No:

25N033

4. Số mẫu:

03

6. Ngày nhận mẫu / Sample received date:

7. Ngày trả kết quả / Result issued date:

8. Lưu mẫu / Storage

9. Kết quả / Results:

03/07/2025

10/07/2025

☐ Có / Yes ☒ Không / No

STT No	TÊN CHỈ TIÊU Items	ĐƠN VỊ TÍNH Unit	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP Maximum limit	KẾT QUẢ Results			PHƯƠNG PHÁP Method
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
1	Màu sắc / Color	(TCU)	15	4	0	4	HDPP.10 Ref.SMEWW 23rd 2120C
2	Mùi vị / Odor and taste	-	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	không có mùi lạ	Cảm quan
3	Độ đục / Turbidity (*)	NTU	2	1.23	1.04	1.16	HDPP.09
4	pH (*)	-	6.0 - 8.5	6.83	6.73	6.69	HDPP.01
5	Clo dư / Residual Chlorine	mg/l	0.2 - 1.0	0.63	0.45	0.30	Hach 8021
6	Chỉ số Pecmanganat / Pecmanganat (*)	mg/l	2	0.19	0.43	0.35	HDPP.08 Ref.TCVN 6186:1996
7	Amoni / (NH ₃ & NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	1	0.002	0.002	0.020	Ref. EPA350.2
8	Coliform tổng số / Total Coliform (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019
9	E.coli (*)	CFU/100ml	<1	<1	<1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 01: 2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
- (*) Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT

Nhận xét

- Mẫu 1: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Mẫu 2: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Mẫu 3: có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn tại thời điểm kiểm nghiệm.

TRƯỜNG LAB



Lê Thị Tổ Loan

PHÒNG KỸ THUẬT



Hà Ngọc Quế